

Bản án số: **97/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/4/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Trần Trung Nhân**.

+ Ông **Võ Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Ngọc N**, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trần Minh Đ**, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc N trình bày:

- Chị với anh Trần Minh Đ cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2019. Từ khi ly thân đến nay do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn:

Anh Trần Minh Đ trình bày: Việc cưới nhau, chung sống và con chung như chị N trình bày là đúng.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị N khai, nhưng từ khi ly thân chị N bỏ đi từ tháng 6/2021 đến nay anh là người trực tiếp nuôi con chung đã ổn định và phát triển bình thường. Do chị N tự ý bỏ đi giao con lại cho anh nuôi và từ đó đến nay chị N ít khi về thăm con. Nên khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Minh Đ, anh Đ có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị N với anh Đ cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo chị N khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra sung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị N không còn tình cảm với anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Minh Đ cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của chị N. Nhận thấy anh Đ với chị N thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:

Anh chị có 01 con chung tên Trần Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2019. Khi ly hôn chị N và anh Đ đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy con chung anh chị tên Bảo, sinh ngày 03/9/2019 tính đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh Đ và chị N trình bày thống nhất là giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 6/2021, nên chị N tự ý bỏ nhà đi làm ăn ở Bình Dương, bỏ con lại cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, từ đó đến nay chị N cũng không thường xuyên đến thăm hỏi và chăm sóc con chung. Mặt khác anh Đ đã trực tiếp nuôi con chung từ khi khoảng hơn 1 tuổi đến nay đã ổn định và phát triển bình thường. Hiện anh Đ cũng đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của con chung anh chị. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay anh Đ khai nghề nghiệp chính của anh hiện nay là làm thuê nhà máy sấy lúa gần nhà trực tiếp chăm sóc con tốt, thời gian đi làm thì gửi con cho mẹ anh nuôi dạy tốt. Còn chị N khai hiện nay chị đi làm thuê, nếu được trực tiếp nuôi con thì chị cũng gửi con đi nhà trẻ gần nơi chị làm. Nhận thấy chị N khai là chị hiện làm công nhân thời gian không ổn định, nhiều khi làm tăng ca, trái giờ nên việc chăm sóc con có phần hạn chế. Từ những phân tích trên, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường con chung của anh chị. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng của các bên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Đ, không chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao con chung anh chị tên Bảo cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung anh chị và quy định pháp luật.

Do anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung; nợ chung:

Anh Đ và chị N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Trần Ngọc N và anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh chị tên: Trần Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2019 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009477, ngày 21/3/2022 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG